TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày: 12-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vi Đức Trí

Thẩm phán: Ông Chu Long Kiếm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phúc Hoài Nam

Bà Hoàng Hồng Nhung

Bà Nguyễn Thị Hoàng Quế

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hà Mi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Xuân Ảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2020/TLST-HS, ngày 07 tháng 01 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Đặng Trần T, tên gọi khác: Không có, sinh ngày 22 tháng 12 năm 1986 tại thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Số 52, đường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không theo tôn giáo nào; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09-7-2019 đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Hoàng Thị Kim K, Văn phòng Luật sư K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị hại*:

1. Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982; trú tại: Số 58, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Chị Trương Hồng A, sinh năm 1993; trú tại: Đường M, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Chị Luân Thị Ngọc D, sinh năm 1988; trú tại: Đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

4. Chị Nông Thị T, sinh năm 1988; trú tại: Số 15, đường H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

5. Anh Nông Minh T, sinh năm 1982; trú tại: Số 25, đường T1, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

6. Anh Lê Quang H, sinh năm 1966; trú tại: Số 85, đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt

7. Chị Nguyễn Thị U, sinh năm 1986; trú tại: Số 145, đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

8. Chị Bùi Thị Vân A, sinh năm 1991; trú tại: Ngõ 88, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

9. Anh Đặng Văn N, sinh năm 1964; trú tại: Thôn T, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

10. Anh Trương Minh S, sinh năm 1974; trú tại: Số 299, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

11. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1965; trú tại: Số 10, Khối 5, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

12. Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993; trú tại: Số 605, đường H, thôn M, xã M1, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

13. Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985; trú tại: Số 609, thôn C, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

14. Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1975; trú tại: Số 105, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

15. Chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1976; trú tại: Phố P, khối 2, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

16. Chị Dương Minh T, sinh năm 1993; trú tại: Khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

17. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977; trú tại: Số 06, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

18. Anh Hoàng Minh C, sinh năm 1984; trú tại: Số 89, Ngõ 227, đường B, Khối 9, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

19. Chị Lê Thị Mai A, sinh năm 1979; trú tại: Số 01 khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

20. Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1987; trú tại: Số 56, đường B1, Khối 14, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

21. Nông Thị L, sinh năm 1989; trú tại: Số 39, đường P, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Phạm Thị Thanh N, sinh năm 1976; trú tại: Số 112, đường N, Khối 11, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

2. Chị Dương Thị D, sinh năm 1979; trú tại: Số 262 đường T II, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Chị Vũ Thị X, sinh năm 1967; trú tại: Tập thể chung cư, Khối 3, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

4. Ông Phạm Xuân T, sinh năm 1960; trú tại: Số 49 khu tập thể N, khối C, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

5. Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1973; trú tại: Số 116A đường L, Khối 11, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

6. Anh Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1987; trú tại: Số 4, Ngách 5, Ngõ 67 đường K, phường X, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt;

7. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1991; trú tại: Thôn P, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

8. Anh Lê T D, sinh năm 1987; trú tại: Số 44 đường V, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

9. Bà Đặng Thị L, sinh năm 1964; trú tại: Số 54, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

10. Chị Nguyễn Thu T, sinh năm 1987; trú tại: Số nhà 06, khu tập thể M, xã M, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

11. Chị Hoàng Thị Bích T, sinh năm 1991; trú tại: Số 30, đường L1, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

12. Chị Nguyễn Minh N, sinh năm 1978; trú tại: Số 151 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

13. Anh Nguyễn Phi B, sinh năm 1987; trú tại: Số 200 đường B, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

14. Ông Đặng Văn P, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; cả hai trú tại: Số 52, đường T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đặng Trần T, nguyên là cán bộ công tác tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn. Từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2019,

do Đặng Trần T có chú rể là ông Nguyễn Học C, nguyên là Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn nên có thể nhờ đổi tiền mới các dịp Tết Nguyên đán. Thời điểm gần Tết Nguyên đán năm 2018, T liên hệ với cán bộ Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn đổi khoảng 700 triệu đồng tiền mới cho một số cán bộ chiến sĩ trong đơn vị. Khoảng tháng 9/2018, do T tham gia cá độ bóng đá trên mạng và bị thua nhiều, cần tiền để chơi tiếp, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của một số cán bộ chiến sĩ trong đơn vị nhờ đổi tiền mới dịp Tết Nguyên đán năm 2019.

Khoảng giữa tháng 12/2018, T gặp ông Phạm Xuân T, sinh năm 1960, là Trưởng phòng T Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn đặt vấn đề đổi tiền mới cho cán bộ chiến sĩ trong đơn vị và được ông Phạm Xuân T hướng dẫn lập bảng kê số tiền cần đổi rồi chuyển đến Văn thư của Ngân hàng để tập hợp xem xét và sẽ thông tin lại sau. Ngày 20/12/2018, (tức ngày 14/11/2018 âm lịch), Đặng Trần T chủ động thông báo đến các Đội 1, 2, 3, 4 Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội lập danh sách những người có nhu cầu đổi tiền mới, đồng thời hướng dẫn các Đội lập bảng kê số lượng, mệnh giá tiền cần đổi. Sau đó Đặng Trần T tổng hợp các bảng kê xác định số tiền cần đổi là 877.000.000đồng, cùng với số tiền 25.000.000 đồng của Đặng Trần T đăng ký và lập thành bảng kê chung, xác định tổng số tiền cần đổi là 902.000.000 đồng. Chiều ngày 24/12/2018, Đặng Trần T mang bảng kê chung đến gửi bộ phận Văn thư Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn và cho số điện thoại của Đặng Trần T để nhân viên Văn thư liên hệ khi cần thiết. Sau khi từ Ngân hàng về, Đặng Trần T thông báo cho các Đội 1, 2, 3, 4 trong đơn vị chuẩn bị tiền đưa cho Đặng Trần T vào ngày hôm sau. Trong các ngày 25, 26/12/2018, Đặng Trần T đã trực tiếp và gián tiếp nhận 877.000.000 đồng của 20 người thuộc phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, gồm:

- Ngày 25/12/2018, chị Luân Thị Ngọc D nhận tiền của một số cán bộ, chiến sĩ Đội 1 đưa cho Đặng Trần T tổng cộng 115.000.000 đồng; trong đó: Phạm Thị H 18.000.000 đồng, Trương Hồng A 10.000.000 đồng, Luân Thị Ngọc D 55.000.000 đồng và Nông Thị T 32.000.000 đồng; ngoài ra Nông Minh T trực tiếp đưa cho Đặng Trần T 14.000.000 đồng. Cùng ngày, chị Vũ Thị X nhận tiền của một số cán bộ, chiến sĩ Đội 2 đưa cho Đặng Trần T 96.000.000 đồng; trong đó: Vũ Thị X 47.000.000 đồng, Lê Quang H 3.000.000 đồng, Nguyễn Thị U 10.000.000 đồng, Bùi Thị Vân A 32.000.000 đồng và Đặng Văn N 4.000.000 đồng.

Chị Lê Thị Mai A nhận tiền của một số cán bộ chiến sĩ Đội 4 đưa cho Đặng Trần T 422.000.000 đồng, trong đó: Nguyễn Thị Minh P 40.000.000 đồng, Dương Minh T 15.000.000 đồng, Nguyễn Văn H 9.000.000 đồng, Hoàng Minh C 10.000.000 đồng và Lê Thị Mai A 348.000.000 đồng.

- Ngày 26/12/2018, chị Phạm Thị Thanh N nhận tiền của một số cán bộ, chiến sĩ Đội 3 đưa cho Đặng Trần T 167.000.000 đồng, trong đó: Trương Minh S 9.000.000 đồng, Hoàng Văn H 8.000.000 đồng, Nguyễn Thị Bích T 5.000.000 đồng và Nguyễn Ngọc T 145.000.000 đồng; Nguyễn Đức C trực tiếp đưa cho Đặng Trần T 63.000.000 đồng.

Ngay sau khi nhận tiền của các bị hại, từ ngày 25/12/2018 Đặng Trần T chuyển dần tiền vào tài khoản số 35110000246246 của Đặng Trần T tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), để tham gia cá độ bóng đá trên mạng. Ngày 28/12/2018, khi một số bị hại hỏi, Đặng Trần T nói dối đã đổi được một ít nhưng để cho gia đình trước và hứa khoảng đầu tháng 01/2019 hoặc đến ngày 15/01/2019 (tức 10/12/2018 âm lịch) sẽ có tiền mới, đồng thời nói nếu ai không có nhu cầu đổi tiền mới nữa, Đặng Trần T sẽ trả lại tiền. Ngày 29/12/2018, Đặng Trần T trả cho Lê Thị Mai A 290.000.000 đồng, ngày 04/01/2019 Đặng Trần T chuyển khoản trả Vũ Thị X 47.000.000 đồng. Ngày 05/01/2019, Đặng Trần T đổi được 6.000.000 đồng tiền mới để đưa cho Bùi Thị Vân A.

Ngày 07/01/2019, Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 03/QĐ-LAS về việc thành lập Tổ thu đổi tiền để phục vụ nhu cầu đổi tiền mới của nhân dân; cùng ngày, nhân viên Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lạng Sơn gọi điện báo cho Đặng Trần T mang tiền đến đổi nhưng do Đặng Trần T đã sử dụng phần lớn số tiền nhận được của các bị hại để cá độ bóng đá và bị thua nên lấy lý do trì hoãn. Để tiếp tục huy động thêm tiền chơi cá độ bóng đá, Đặng Trần T thông báo cho mọi người Ngân hàng đã cho đổi tiền mới, ai có nhu cầu đổi thì đưa tiền cho Đặng Trần T. Ngày 08/01/2019, Đặng Trần T gọi điện cho Lê Thị Mai A hỏi còn có nhu cầu đổi tiền mới không thì chuyển tiền cho Đặng Trần T, Lê Thị Mai A đã chuyển khoản cho Đặng Trần T 310.000.000 đồng; ngày 09/01/2019, Nông Thị T đưa cho Đặng Trần T 24.000.000 đồng. Thời gian sau, nhân viên Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điện thoại bảo Đặng Trần T mang tiền đến đổi, nhưng thời điểm này Đặng Trần T đã sử dụng hết số tiền của các bị hại đưa cho, nên Đặng Trần T hẹn hôm khác. Khoảng ngày 13/01/2019, Đặng Trần T tiếp tục thông báo cho cán bộ, chiến sĩ Đội 7 nói chắc chắn ngày 15 hoặc sáng ngày 16/01/2019 sẽ đổi được tiền mới và đặt vấn đề ai có nhu cầu thì đưa tiền cho Đặng Trần T. Ngày 14/01/2019, Nguyễn Đức C đưa cho Đặng Trần T 50.000.000 đồng; Nông Thị L nhận tiền của cán bộ, chiến sĩ Đội 7 đưa cho Đặng Trần T 73.000.000 đồng (trong đó của Hoàng Thị H 36.000.000 đồng, Dương Thị D 3.000.000 đồng và Nông Thị L 34.000.000 đồng).

Toàn bộ tiền nhận được của cán bộ, chiến sĩ Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn, Đặng Trần T đã sử dụng hết vào việc cá độ bóng đá, trả nợ và chi tiêu cá nhân. Từ ngày 15/01/2019, Đặng Trần T nại nhiều lý do chưa đổi được tiền rồi lần tránh. Ngày 23/01/2019, Lãnh đạo Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội gọi Đặng Trần T đến cơ quan để yêu cầu giải trình, Đặng Trần T nói đã làm mất tiền và hứa có trách nhiệm trả lại. Ngày 24/01/2019, Đặng Trần T trả cho các bị hại Dương Thị D 3.000.000 đồng, Nông Thị L 7.000.000 đồng. Tổng cộng bị cáo Đặng Trần T chiếm đoạt của 21 bị hại số tiền là 981.000.000 đồng.

Quá trình điều tra đã xác định được bị cáo Đặng Trần T sử dụng số tiền chiếm đoạt được của các bị hại như sau:

- Chuyển khoản mua điểm ảo chơi cá độ bóng đá trên mạng tại trang Web W88yes.com 776.800.000 đồng.

- Mua thẻ điện thoại để nạp tiền mua điểm ảo chơi cá độ bóng đá tại trang web W88yes.com khoảng 30.000.000 đồng.

- Mua điện thoại nhãn hiệu SamSung tại cửa hàng FPT, thành phố L 25.600.000 đồng, chiếc điện thoại này Đặng Trần T khai đã bị mất.

- Trả nợ bà Nguyễn Thị Hồng N 32.500.000 đồng.

- Trả nợ anh Nguyễn Hoàng H 2.500.000 đồng.

- Trả nợ anh Hoàng Văn C 19.000.000 đồng.

- Trả nợ anh Lê T D 20.000.000 đồng.

- Trả nợ bà Đặng Thị L 30.000.000 đồng.

- Số tiền còn lại 44.600.000 đồng, Đặng Trần T sử dụng ăn uống, chi tiêu cá nhân.

Ngày 29/8/2019, Đặng Trần T và gia đình đã trả cho 21 bị hại số tiền 283.500.000 đồng. Ngày 16/01/2020, ông Đặng Văn P (bố đẻ bị cáo) đã trả cho 21 bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Cụ thể;

- Chị Phạm Thị H bị chiếm đoạt 18.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 5.000.000 đồng, trả lần 2 là 4.000.000 đồng, còn lại là 9.000.000 đồng.

- Chị Trương Hồng A bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 3.000.000 đồng, trả lần 2 là 2.000.000 đồng, còn lại là 5.000.000 đồng.

- Chị Luân Thị Ngọc D bị chiếmđoạt 55.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 16.000.000 đồng, trả lần 2 là 11.000.000 đồng, còn lại là 28.000.000 đồng.

- Chị Nông Thị T bị chiếm đoạt 56.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 16.000.000 đồng, trả lần 2 là 11.500.000 đồng, còn lại là 28.500.000 đồng.

- Anh Nông Minh T bị chiếm đoạt 14.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 4.000.000 đồng, trả lần 2 là 3.000.000 đồng, còn lại là 7.000.000 đồng.

- Anh Lê Quang H bị chiếm đoạt 3.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 1.000.000 đồng, trả lần 2 là 600.000 đồng, còn lại là 1.400.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị U bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 3.000.000 đồng, trả lần 2 là 2.000.000 đồng, còn lại là 5.000.000 đồng.

- Chị Bùi Thị Vân A bị chiếm đoạt 26.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 7.500.000 đồng, trả lần 2 là 5.300.000 đồng, còn lại là 13.200.000 đồng.

- Anh Đặng Văn N bị chiếm đoạt 4.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 1.000.000 đồng, trả lần 2 là 800.000 đồng, còn lại là 2.200.000 đồng.

- Anh Trương Minh S bị chiếm đoạt 9.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 2.500.000 đồng, trả lần 2 là 1.800.000 đồng, còn lại là 4.700.000 đồng.

- Anh Hoàng Văn H bị chiếm đoạt 8.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 2.500.000 đồng, trả lần 2 là 1.500.000 đồng, còn lại là 4.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Bích T bị chiếm đoạt 5.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 1.500.000 đồng, trả lần 2 là 1.000.000 đồng, còn lại là 2.500.000 đồng.

- Anh Nguyễn Ngọc T bị chiếm đoạt 145.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 42.000.000 đồng, trả lần 2 là 29.500.000 đồng, còn lại là 73.500.000 đồng.

- Anh Nguyễn Đức C bị chiếm đoạt 113.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 32.500.000 đồng, trả lần 2 là 23.000.000 đồng, còn lại là 57.500.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Minh P bị chiếm đoạt 40.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 11.500.000 đồng, trả lần 2 là 8.000.000 đồng, còn lại là 20.500.000 đồng.

- Chị Dương Minh T bị chiếm đoạt 15.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 4.000.000 đồng, trả lần 2 là 3.200.000 đồng, còn lại là 7.800.000 đồng.

- Anh Nguyễn Văn H bị chiếm đoạt 9.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 2.500.000 đồng, trả lần 2 là 2.000.000 đồng, còn lại là 4.500.000 đồng.

- Anh Hoàng Minh C bị chiếm đoạt 10.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 3.000.000 đồng, trả lần 2 là 2.000.000 đồng, còn lại là 5.000.000 đồng.

- Chị Lê Thị Mai A bị chiếm đoạt 368.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 106.500.000 đồng, trả lần 2 là 75.000.000 đồng, còn lại là 185.500.000 đồng.

- Chị Hoàng Thị H bị chiếm đoạt 36.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 10.000.000 đồng, trả lần 2 là 7.300.000 đồng, còn lại là 18.200.000 đồng.

- Chị Nông Thị L bị chiếm đoạt 27.000.000 đồng, đã được trả lần 1 là 8.000.000 đồng, trả lần 2 là 5.500.000 đồng, còn lại là 13.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 11/CT-VKS-P3, ngày 06-01-2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Đặng Trần T về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, bị cáo Đặng Trần T khai nhận toàn hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, bị cáo thừa nhận do thiếu tiền để chơi cá độ bóng đá trên mạng, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là thông qua việc đổi tiền mới dịp Tết Nguyên đán năm 2019 để chiếm đoạt tiền của một số cán bộ làm cùng đơn vị. Về phần bồi thường thiệt hại, bị cáo nhất trí bồi thường cho các bị hại số tiền đã chiếm đoạt sau khi khấu trừ số tiền đã trả cho các bị hại.

Các bị hại có mặt tại phiên toà và các bị hại vắng mặt (thông qua đơn đề nghị xét xử vắng mặt đều yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại bị chiếm đoạt sau khi đã trả một phần, cụ thể: Chị Phạm Thị H yêu cầu phải bồi thường số tiền 8.800.000 đồng; chị Trương Hồng A yêu cầu phải bồi thường số tiền 4.900.000 đồng; chị Luân Thị Ngọc D yêu cầu phải bồi thường số tiền 27.350.000 đồng; chị Nông Thị T yêu cầu phải bồi thường số tiền 27.830.000 đồng; anh Nông Minh T yêu cầu phải bồi thường số tiền 6.850.000 đồng; anh Lê Quang H yêu cầu

phải bồi thường số tiền 1.370.000 đồng; chị Nguyễn Thị U yêu cầu phải bồi thường số tiền 4.900.000 đồng; chị Bùi Thị Vân A yêu cầu phải bồi thường số tiền 12.900.000 đồng; anh Đặng Văn N yêu cầu phải bồi thường số tiền 2.150.000 đồng; chị Nguyễn Thị Minh P yêu cầu phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng; chị Dương Minh T yêu cầu phải bồi thường số tiền 7.600.000 đồng; anh Nguyễn Văn H yêu cầu phải bồi thường số tiền 4.400.000 đồng; anh Hoàng Minh C yêu cầu phải bồi thường số tiền 4.900.000 đồng; chị Lê Thị Mai A yêu cầu phải bồi thường số tiền 182.000.000 đồng; anh Trương Minh S yêu cầu phải bồi thường số tiền 4.600.000 đồng; anh Hoàng Văn H yêu cầu phải bồi thường số tiền 3.900.000 đồng; chị Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu phải bồi thường số tiền 2.450.000 đồng; anh Nguyễn Ngọc T yêu cầu phải bồi thường số tiền 73.500.000 đồng; anh Nguyễn Đức C yêu cầu phải bồi thường số tiền 56.100.000 đồng; chị Hoàng Thị H yêu cầu phải bồi thường số tiền 17.800.000 đồng; chị Nông Thị L yêu cầu phải bồi thường số tiền 13.200.000 đồng. Tổng số tiền các bị hại yêu cầu bị cáo Đặng Trần T tiếp tục phải bồi thường là 482.050.000 đồng. Các bị hại có mặt đều yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Đặng Trần T và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Trần T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Trần T mức án từ 07 đến 08 năm tù. Về bồi thường thiệt hại: Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và 21 bị hại, cụ thể: Bị cáo Đặng Trần T phải trả cho chị Phạm Thị H số tiền 8.800.000 đồng; trả cho chị Trương Hồng A số tiền 4.900.000 đồng; trả cho chị Luân Thị Ngọc D số tiền 27.350.000 đồng; trả cho chị Nông Thị T số tiền 27.830.000 đồng; trả cho anh Nông Minh T số tiền 6.850.000 đồng; trả cho anh Lê Quang H số tiền 1.370.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị U số tiền 4.900.000 đồng; trả cho chị Bùi Thị Vân A số tiền 12.900.000 đồng; trả cho anh Đặng Văn N số tiền 2.150.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Minh P số tiền 20.000.000 đồng; trả cho chị Dương Minh T số tiền 7.600.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 4.400.000 đồng; trả cho anh Hoàng Minh C số tiền 4.900.000 đồng; trả cho chị Lê Thị Mai A số tiền 182.000.000 đồng; trả cho anh Trương Minh S số tiền 4.600.000 đồng; trả cho anh Hoàng Văn H số tiền 3.900.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 73.500.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Đức C số tiền 56.100.000 đồng; trả cho chị Hoàng Thị H số tiền 17.800.000 đồng; trả cho chị Nông Thị L số tiền 13.200.000 đồng. Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường khắc phục thiệt hại cho các bị hại được hơn ½ số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo có bố mẹ được tặng thưởng nhiều Huân, Huy chương nên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 bộ luật Hình sự. Mức án mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nhiêm khắc đối với vị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xem xét cho bị cáo mức hình phạt thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát và đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với các lời khai tại Cơ quan điều tra, lời khai của các bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có căn cứ để kết luận: Đặng Trần T, nguyên là cán bộ công tác tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn từ tháng 4/2017 đến tháng 6/2019. Do cần tiền để chơi cá độ bóng đá trên mạng, Đặng Trần T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của một số cán bộ chiến sĩ trong đơn vị Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Lạng Sơn thông qua việc nhờ đổi tiền mới dịp Tết Nguyên đán năm 2019. Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12/2018 đến cuối tháng 01/2019, bị cáo Đặng Trần T đã nhận của 21 bị hại đều là cán bộ, chiến sỹ đơn vị nơi Đặng Trần T công tác với tổng số tiền 981.000.000 đồng; sau khi nhận được tiền từ các bị hại, Đặng Trần T sử dụng số tiền 806.800.000 đồng để chơi cá độ bóng đá, mang đi trả nợ hết 104.000.000 đồng, mua điện thoại 25.600.000 đồng và ăn uống, chi tiêu cá nhân hết số tiền 44.600.00 đồng; sau khi vụ việc bị phát hiện, Đặng Trần T và gia đình đã bồi thường cho các bị hại số tiền 493.500.000 đồng, hiện số tiền chiếm đoạt còn lại là 487.500.000 đồng. Vì vậy, bị cáo Đặng Trần T bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không bị oan.

[3] Hành vi phạm tội bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến khách thể là quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ; gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được

hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do chơi bời, cờ bạc nên nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm.

[4] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Đặng Trần T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, tại Toà bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi vụ việc xảy ra, bị cáo cùng gia đình đã khắc phục hậu quả được hơn ½ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại; bố mẹ bị cáo đều là cán bộ công tác trong ngành Công an, có nhiều cống hiến cho sự nghiệp bảo vệ an ninh Tổ quốc; bố đẻ bị cáo là ông Đặng Văn P được Nhà nước tặng thưởng Huân chương bảo vệ tổ quốc Hạng Ba, Huân Chương chiến công hạng nhất, Huy chương chiến sĩ vẻ vang và mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương bảo vệ tổ quốc Hạng Ba; Huy chương vì an ninh Tổ quốc, Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhất, Nhì. Do vậy, bị cáo Đặng Trần T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là đã khắc phục, bồi thường thiệt hại, hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và các tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự là bố mẹ có nhiều Huân, Huy chương. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo có ý thức, trách nhiệm cùng gia đình bồi thường, khắc phục phần lớn thiệt hại đã gây ra cho các bị hại, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng có căn cứ để áp dụng cho bị cáo mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị cáo và các bị hại có mặt thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường, cụ thể: Bị cáo Đặng Trần T phải trả cho chị Luân Thị Ngọc D số tiền 27.350.000 đồng; trả cho anh Lê Quang H số tiền 1.370.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị U số tiền 4.900.000 đồng; trả cho chị Bùi Thị Vân A số tiền 12.900.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Văn H số tiền 4.400.000 đồng; trả cho anh Hoàng Minh C số tiền 4.900.000 đồng;trả cho anh Nguyễn Đức C số tiền 56.100.000 đồng; trả cho chị Nông Thị L số tiền 13.200.000 đồng.

[6] Đối với các bị hại vắng mặt có yêu cầu bị cáo Đặng Trần T phải hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt sau khi đã khấu trừ, bị cáo Đặng Trần T nhất trí bồi thường cho các bị hại, cụ thể: Bị cáo Đặng Trần T phải trả cho chị Phạm Thị H số tiền 8.800.000 đồng; trả cho chị Trương Hồng A số tiền 4.900.000 đồng; trả cho chị Nông Thị T số tiền 27.830.000 đồng; trả cho anh Nông Minh T số tiền 6.850.000 đồng; trả cho anh Đặng Văn N số tiền 2.150.000 đồng; trả cho chị Nguyễn Thị Minh P số tiền 20.000.000 đồng; trả cho chị Dương Minh T số tiền 7.600.000 đồng; trả cho chị Lê Thị Mai A số tiền 182.000.000 đồng; trả cho anh Trương Minh S số tiền 4.600.000 đồng; trả cho anh Hoàng Văn H số tiền

3.900.000 đồng; trả cho anh Nguyễn Ngọc T số tiền 73.500.000 đồng; trả cho chị Hoàng Thị H số tiền 17.800.000 đồng; trả cho chị Nông Thị L số tiền 13.200.000 đồng.

[7] Tại phiên tòa hôm nay bị hại Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bị cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tại phiên tòa là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội đã xảy ra, đúng với các quy định của pháp luật về xử lý đối với hành vi trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị mức án thấp hơn mức mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[10] Đối với khoản tiền bị cáo Đặng Trần T đem trả nợ: Quá trình điều tra, các bà Nguyễn Thị Hồng N, Đặng Thị L và các anh Nguyễn Hoàng H, Hoàng Văn C và Lê T D trình bày không biết số tiền Đặng Trần T trả nợ là do lừa đảo mà có và đã sử dụng hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo và việc thu hồi tiền đánh bạc: Kết quả điều tra xác định từ ngày 24/12/2018 đến ngày 09/7/2019, Đặng Trần T đã sử dụng tài khoản Ngân hàng để thực hiện 53 giao dịch chuyển tiền đến 03 tài khoản 31510001063462, 31510001064085, 13510000906605 với tổng số tiền 1.191.300.000đồng. Đặng Trần T trình bày chuyển tiền để mua điểm ảo chơi cá độ bóng đá tại trang web W88yes.com. Cơ quan điều tra tiến hành cho Đặng Trần T đăng nhập tài khoản cá nhân tại trang web W88yes.com để làm rõ hành vi đánh bạc nhưng Đặng Trần T trình bày đã xóa tài khoản nên không đăng nhập kiểm tra được. Cơ quan điều tra có Công văn đề nghị phối hợp cung cấp thông tin về trang web. Tại Công văn số 1248 ngày 04/9/2019 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lạng Sơn cung cấp: "*Tên miền w88yes.com và m.w88yes.com (tên miền cấp dưới của tên miền w88yes.com) là tên miền đăng ký với tổ chức quốc tế. Kết quả tra cứu cho thấy tên miền đăng ký sử dụng dịch vụ ẩn giấu thông tin của chủ thể đăng ký,do đó không xác định được các thông tin theo yêu cầu của đơn vị*". Cơ quan điều tra tiến hành tra cứu thông tin chủ tài khoản Ngân hàng mà Đặng Trần T đã chuyển tiền đến và gửi ủy thác điều tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an các tỉnh Đồng Nai, Tiền Giang, thành phố Hồ Chí Minh, nhưng không xác định được lai lịch của 03 chủ tài khoản nêu trên, vì vậy không đủ căn cứ để xử lý Đặng Trần T về hành vi đánh bạc và không thu hồi được tài sản, dó đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[12] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà

án. Do bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để Nộp Ngân sách Nhà nước.

[13] Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 54, Điều 38, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án

Căn cứ khoản 2 Điều 274, các Điều 275, 357, 584, 585, 586, 588 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Trần T phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đặng Trần T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam, ngày 09-7-2019.

3. Về bồi thường thiệt hại:

3.1. Công nhận sự thoả thuận giữa bị cáo và các bị hại Luân Thị Ngọc D, Lê Quang H, Nguyễn Thị U, Bùi Thị Vân A, Nguyễn Đức C, Nguyễn Văn H, Hoàng Minh C, cụ thể: Bị cáo Đặng Trần T phải có trách nhiệm trả cho:

Chị Luân Thị Ngọc D số tiền 27.350.000 đồng (hai mươi bảy triệu ba trăm năm mươi nghìn);

Anh Lê Quang H số tiền 1.370.000 đồng (một triệu ba trăm bảy mươi nghìn);

Chị Nguyễn Thị U số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn);

Chị Bùi Thị Vân A số tiền 12.900.000 đồng (mươi hai triệu chín trăm nghìn);

Anh Nguyễn Văn H số tiền 4.400.000 đồng (bốn triệu bốn trăm nghìn);

Anh Hoàng Minh C số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn);

Anh Nguyễn Đức C số tiền 56.100.000 đồng (năm mươi sáu triệu một trăm nghìn);

Chị Nông Thị L số tiền 13.200.000 đồng (mười ba triệu hai trăm nghìn).

3.2. Buộc bị cáo Đặng Trần T phải trả cho:

Chị Phạm Thị H số tiền 8.800.000 đồng (tám triệu tám trăm nghìn);

Chị Trương Hồng A số tiền 4.900.000 đồng (bốn triệu chín trăm nghìn);

Chị Nông Thị T số tiền 27.830.000 đồng (hai mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn);

Anh Nông Minh T số tiền 6.850.000 đồng (sáu triệu tám trăm năm mươi nghìn);

Anh Đặng Văn N số tiền 2.150.000 đồng (hai triệu một trăm năm mươi nghìn);

Chị Nguyễn Thị Minh P số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu);

Chị Dương Minh T số tiền 7.600.000 đồng (bảy triệu sáu trăm nghìn);

Chị Lê Thị Mai A số tiền 182.000.000 đồng (một trăm tám mươi hai triệu);

Anh Trương Minh S số tiền 4.600.000 đồng (bốn triệu sáu trăm nghìn);

Anh Hoàng Văn H số tiền 3.900.000 đồng (ba triệu chín trăm nghìn);

Anh Nguyễn Ngọc T số tiền 73.500.000 đồng (bảy mươi ba triệu năm trăm nghìn);

Chị Hoàng Thị H số tiền 17.800.000 đồng (mười bảy triệu tám trăm nghìn);

Tổng số tiền bị cáo Đặng Trần T phải bồi thường cho các bị hại là 485.050.000 đồng (bốn trăm tám mươi hai triệu không trăm năm mươi nghìn).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Trần T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 23.402.000 (hai mươi ba triệu bốn trăm lẻ hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm để nộp Ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; các bị hại;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; tòa hình sự; HCTP; KTNV & THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Đức Trí